

**Đa dạng khu hệ động vật có xương sống trên cạn
ở Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên**

Lê Văn Phúc¹, Nguyễn Thị Thoa¹, Giang Trọng Toàn^{2*}

Nguyễn Đức Thắng³, Hoàng Văn Thắng³, Phạm Văn Sang³

¹Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

²Trường Đại học Lâm nghiệp

³Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa

**Study on the faunal diversity
of the ATK Dinh Hoa Special-use Forest, Thai Nguyen province**

Le Van Phuc¹, Nguyen Thi Thoa¹, Giang Trong Toan^{2*}

Nguyen Duc Thang³, Hoang Van Thang³, Pham Van Sang³

¹Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

²Vietnam National University of Forestry

³ATK Dinh Hoa Special-use Forest

*Corresponding author: toangt@vnuf.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.14.3.2025.116-126>

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 08/01/2025

Ngày phản biện: 13/02/2025

Ngày quyết định đăng: 15/04/2025

Từ khóa:

ATK Định Hóa, đa dạng,
động vật có xương sống
trên cạn, giá trị bảo tồn,
thành phần loài.

Keywords:

ATK Dinh Hoa, conservation
value, diversity, species
composition,
terrestrial vertebrates.

TÓM TẮT

Bài báo này trình bày kết quả điều tra và đánh giá đa dạng khu hệ động vật có xương sống trên cạn tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách kế thừa kết quả điều tra trước đây, kết hợp điều tra bổ sung theo tuyến và phỏng vấn 50 người dân địa phương. Để đánh giá chúng tôi đã đối chiếu dữ liệu với 4 tài liệu, gồm Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh sách Đỏ IUCN (2024), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP. Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận trong khu vực có 227 loài động vật có xương sống trên cạn, thuộc 173 giống, 84 họ, 25 bộ của 4 lớp. Trong đó, Lớp thú có 26 loài thuộc 23 giống, 16 họ, 07 bộ; Lớp chim có 157 loài thuộc 115 giống, 54 họ, 15 bộ; Lớp bò sát có 29 loài thuộc 24 giống, 09 họ, 02 bộ; Lớp lưỡng cư có 15 loài thuộc 11 giống, 05 họ, 01 bộ. Đặc biệt, đã ghi nhận 37 loài nguy cấp, quý, hiếm với 08 loài thú, 19 loài chim, 10 loài bò sát. Một số loài có giá trị bảo tồn cao như Cu li lớn (*Nycticebus benganlensis*), Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*) và Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*) cũng được ghi nhận tại đây. Một trong những đóng góp quan trọng của nghiên cứu này là cung cấp hình ảnh của 84 loài và bổ sung 73 loài động vật (gồm 09 loài thú, 54 loài chim, 08 loài bò sát và 04 loài lưỡng cư) cho Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa so với các nghiên cứu đã công bố trước đây.

ABSTRACT

This paper presents the results of a survey and assessment of terrestrial vertebrate diversity in the ATK Dinh Hoa Special-use Forest. The study integrated findings from previous surveys with additional line-transect investigations and interviews with 50 local residents. For assessment purposes, data were cross-referenced with the Vietnam Red Data Book (2007), IUCN Red List (2024), Decree 84/2021/ND-CP, and Decree 64/2019/ND-CP. The research recorded a total of 227 terrestrial vertebrate species, belonging to 173 genera, 84 families, and 25 orders, across four classes: Mammals (26 species), Birds (157 species), Reptiles (29 species), and Amphibians (15 species). Notably, 37 threatened, precious, and rare species were identified, comprising 08 mammal species, 19 bird species, and 10 reptile species. Several highly conserved species, such as the Bengal Slow Loris (*Nycticebus benganlensis*), King Cobra (*Ophiophagus hannah*), and Silver Pheasant (*Lophura nycthemera*), were also recorded here. A significant contribution of this study is the provision of images for 84 species and the addition of 73 animal species (including 09 mammals, 54 birds, 08 reptiles, and 04 amphibians) to the ATK Dinh Hoa Special-use Forest's faunal inventory, compared to previously published research.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa nằm trên địa bàn huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên có diện tích 5.505,46 ha (Quyết định số 222/QĐ - TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và Quyết định số 991/QĐ - UBND ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021 - 2030). Diện tích rừng đặc dụng nằm phân bố trên địa bàn 16 xã và 01 thị trấn. Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa là một bộ phận đặc biệt quan trọng trong quần thể Di tích lịch sử cách mạng ATK - Định Hóa. Mặc dù nằm trong hệ thống khu rừng đặc dụng của Việt Nam nhưng đến nay chưa có nghiên cứu đầy đủ nào về thành phần các loài động vật có xương sống trên cạn của khu vực. Theo kết quả điều tra gần nhất của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thực hiện tại xã Phú Đình (2004 - 2005) [1] đã ghi nhận được 20 loài thú, 100 loài chim, 12 loài bò sát và 06 loài lưỡng cư. Tuy nhiên, minh chứng cho sự tồn tại của các loài trong khu vực không có và chưa bao quát cho toàn bộ Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Thành phần các loài động vật rất cần được cập nhật, sắp xếp theo hệ thống phân loại và đánh giá tình trạng bảo tồn. Hoạt động điều tra này được thực hiện từ năm 2023 – 2024 trên hầu hết các xã có rừng của khu vực. Kết quả điều tra đã cung cấp cơ sở dữ liệu quan trọng về thành phần động vật có xương sống trên cạn để thực hiện Dự án Thành lập lại Khu rừng bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp kế thừa

Thành phần các loài động vật có xương sống trên cạn tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa được kế thừa một phần từ kết quả điều tra của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thực hiện năm 2004 – 2005, thuộc chương trình: *Tài nguyên sinh vật tỉnh Thái Nguyên và giải pháp rừng bền vững* [1]. Các loài được sắp xếp theo tài liệu cập nhật, theo đó số lượng loài được kế thừa gồm 20 loài thú, 100 loài chim, 12 loài bò sát và 06 loài lưỡng cư. Ngoài ra, 09 loài bò sát và 04 loài lưỡng cư còn được

kế thừa theo dữ liệu vùng phân bố loài của tác giả Nguyen và cộng sự (2009) trong cuốn "*Herpetofauna of Vietnam*" [2].

2.2. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp này áp dụng cho tất cả các nhóm động vật (chim, thú, bò sát, lưỡng cư). Trong nghiên cứu này, 50 người đã được phỏng vấn thuộc các dân tộc Tày, Nùng, Sán Chỉ, Kinh; là những người thường xuyên đi rừng, có sự am hiểu về động vật của khu vực. Trong quá trình phỏng vấn, các mẫu vật (động vật sống, sừng, da, lông, đuôi...) hoặc hình ảnh của các loài mà người dân lưu giữ có nguồn gốc từ rừng đặc dụng ATK Định Hóa là những dữ liệu, minh chứng quan trọng để xác định thành phần loài.

2.3. Phương pháp điều tra theo tuyến

Phương pháp này áp dụng cho tất cả các nhóm động vật (chim, thú, bò sát, lưỡng cư) nhằm ghi nhận trực tiếp hoặc dấu hiệu (dấu vết, tiếng hót) của các loài. 16 tuyến điều tra được thiết lập, thực hiện năm 2023 và lặp lại trong năm 2024. Các tuyến điều tra đi qua nhiều dạng sinh cảnh, đai cao khác nhau và dàn trải trên một phần diện tích của Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Tổng quãng đường điều tra 92,6 km với độ dài trung bình của các tuyến 4,63 km. Sơ đồ các tuyến điều tra được thể hiện tại Hình 1.

Thời gian điều tra được tiến hành cả ban ngày và ban đêm. Đối với nhóm lưỡng cư và bò sát, nhóm điều tra tiến hành soi đèn bổ sung tại các khe suối, đường mòn vào trong rừng, nơi dễ dàng tiếp cận. Trong quá trình điều tra trên tuyến, người điều tra di chuyển yên lặng với tốc độ 1-1,5 km/h, quan sát kỹ lưỡng về 2 bên. Thông tin về sự có mặt của loài được ghi nhận thông qua cả dấu hiệu trực tiếp (quan sát trực tiếp) và gián tiếp (vết ăn, vết cào, vết chà sát, sừng, lông, phân, dấu chân, tiếng kêu...). Tại các vị trí ghi nhận động vật, tiến hành chụp ảnh động vật và ghi chép các thông tin về tọa độ ghi nhận, loài dự kiến, độ cao, góc phương vị, khoảng cách... theo mẫu biểu được thiết kế sẵn. Các loài động vật được nhận diện nhanh ngoài thực địa theo các tài liệu sau:

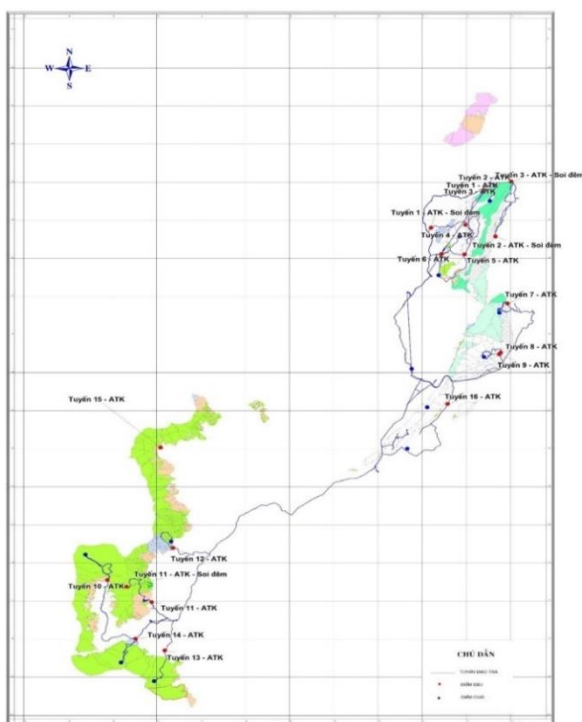
- Đối với nhóm thú: Các loài thú được tra

cứu dựa theo các đặc điểm hình thái bằng sách hướng dẫn nhận biết có hình vẽ màu của Francis (2001, 2008) và Nadler T. & Nguyễn Xuân Đăng (2008) [3-5].

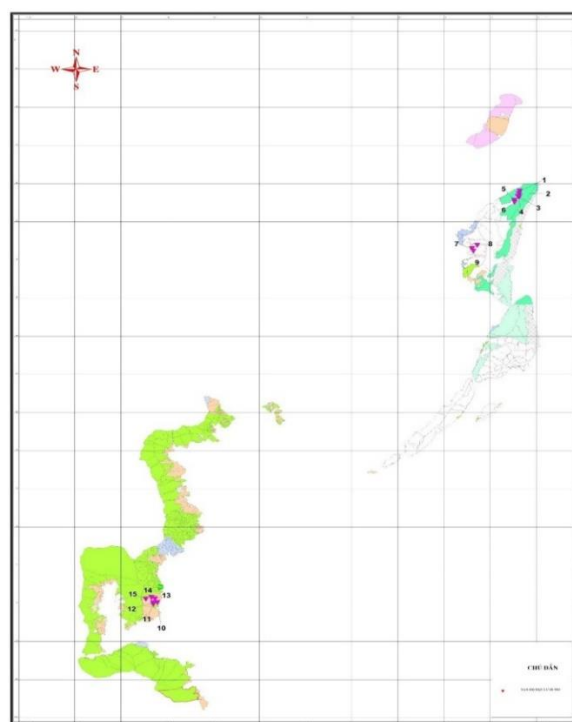
- Đối với nhóm chim: Các loài chim được nhận dạng ngoài thực địa bằng sách hướng dẫn nhận biết chim có hình vẽ màu của Craig Robson (2005); Nguyễn Cử và cộng sự (2000) [9]; Lê Mạnh Hùng và cộng sự (2020) [10].

- Đối với nhóm bò sát và lưỡng cư: Các loài bò sát, lưỡng cư được xác định thông qua đặc điểm hình thái đã được mô tả và hình ảnh màu trong các tài liệu: Nguyễn và cộng sự (2009) [2].

2.4. Phương pháp bắt thả bằng lưới mờ



Hình 1. Sơ đồ các tuyến điều tra



Hình 2. Vị trí các điểm đặt lưới mờ

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu điều tra ngoại nghiệp được nhập vào phần mềm excel để xử lý. Danh sách và tình trạng bảo tồn của các loài động vật tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa được lập và xác định theo các tài liệu sau:

- Đối với nhóm thú: Tên phổ thông, tên khoa học và sắp xếp phân loại theo Nguyễn Xuân Đăng và Lê Xuân Cảnh (2009), Groves (2001, 2004) [6-8]. Các loài nguy cấp, quý, hiếm được xác định theo 4 tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh sách Đỏ IUCN (2024), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP [11-14].

Sử dụng lưới mờ để xác định thành phần các loài chim sống ở tầng thấp, khó quan sát trong các bụi cây, tán cây và các loài dơi hoạt động về đêm. Lưới mờ được làm bằng chất liệu dù có chiều dài 20 – 30 m và bề rộng 4 – 5 m. Trong đợt điều tra khảo sát này, 15 điểm lưới mờ đã được đặt tại các nơi giao nhau giữa các sinh cảnh và dàn trải trên các xã có rừng trong khu vực. Chim hoặc dơi mắc lưới được tháo gỡ cẩn thận, tránh làm tổn thương, sau đó được chụp ảnh, định loại, cho uống nước sạch trước khi thả lại tự nhiên. Vị trí các điểm đặt lưới mờ được thể hiện tại Hình 2.

- Đối với nhóm chim: Tên phổ thông, tên khoa học và sắp xếp phân loại theo Lê Mạnh Hùng và cộng sự (2020) [10]. Các loài nguy cấp, quý, hiếm được xác định theo 4 tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh sách Đỏ IUCN (2024), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP [11-14].

- Đối với nhóm bò sát và lưỡng cư: Tên phổ thông, tên khoa học và sắp xếp phân loại theo tài liệu: Nguyễn và cộng sự (2009) [2]. Các loài nguy cấp, quý, hiếm được xác định theo 4 tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh sách Đỏ IUCN (2024), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP [11-14].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần các loài động vật trên cạn tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa

Kết quả điều tra từ nhiều nguồn thông tin

khác nhau đã ghi nhận được 227 loài, 173 giống, 84 họ, 25 bộ thuộc 4 lớp động vật: chim, thú, bò sát và lưỡng cư (Bảng 1).

Bảng 1. Tổng hợp thành phần các loài động vật có xương sống trên cạn

TT	Lớp động vật	Tên khoa học	Số bộ	Số họ	Số giống	Số loài
1	Thú	Mammalia	7	16	23	26
2	Chim	Aves	15	54	115	157
3	Bò sát	Reptilia	2	9	24	29
4	Lưỡng cư	Amphibia	1	5	11	15
Tổng			25	84	173	227

Trong số các loài động vật có xương sống trên cạn được ghi nhận có hình ảnh minh chứng của 84 loài (08 loài thú, 60 loài chim, 11 loài bò sát và 05 loài lưỡng cư). Đây là lần đầu tiên một bản danh sách đầy đủ về động vật có xương sống trên cạn (chim, thú, bò sát, lưỡng cư) cho Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Thành phần các loài được chuẩn hóa tên phổ thông và khoa học, sắp xếp theo đúng thứ tự trong các tài liệu phân loại cập nhật.

Một trong những kết quả rất có ý nghĩa của nghiên cứu này là đã bổ sung 73 loài động vật (08 loài thú, 52 loài chim, 08 loài bò sát và 05 loài lưỡng cư) so với các tài liệu nghiên cứu đã được thực hiện trước đây tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Các loài ghi nhận bổ sung cho khu vực được quan sát trực tiếp ngoài

thực địa, một số loài có tiếng hót đặc trưng hoặc có mẫu vật trong nhân dân, phần lớn có hình ảnh minh chứng.

3.1.1. Thành phần các loài thú

Đợt điều tra đã ghi nhận 26 loài thú thuộc 23 giống, 16 họ, 07 bộ (Bảng 2). Các loài thú được ghi nhận từ các thông tin tin cậy. Trong 26 loài thú có 04 loài được quan sát trực tiếp ngoài thực địa, 03 loài được ghi nhận qua mẫu vật đang được nuôi trong nhân dân (các loài này được xác định có nguồn gốc từ rừng đặc dụng ATK Định Hóa), 03 loài thông qua dấu vết, 02 loài bị mắc bẫy và 14 loài khác được kế thừa theo tài liệu của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2004 – 2005) [1] ghi nhận tại xã Phú Đình.

Bảng 2. Tổng hợp thành phần thú tại Khu rừng ATK Định Hóa

TT	Bộ thú	Tên họ phổ thông	Tên họ khoa học	Số giống	Số loài
1	Bộ Nhiều răng (Scandentia)	Họ Đồi	Tupaiaidae	1	1
2	Bộ Linh trưởng (Primates)	Họ Cu li	Lorisidae	1	1
		Họ Khỉ	Cercopithecidae	1	1
3	Bộ Chuột chù (Soricomorpha)	Họ Chuột chù	Soricidae	1	1
4	Bộ Dơi (Chiroptera)	Họ Dơi quả	Pteropodidae	2	2
		Họ Dơi lá mũi	Rhinolophidae	1	1
5	Bộ Ăn thịt (Carnivora)	Họ Mèo	Felidae	1	1
		Họ Cầy	Viverridae	2	2
		Họ Cầy lớn	Herpestidae	1	1
		Họ Chồn	Mustelidae	1	1
6	Bộ Guốc chẵn (Artiodactyla)	Họ Lợn	Suidae	1	1
		Họ Hươu nai	Cervidae	2	2
		Họ Sóc	Sciuridae	3	3
7	Bộ Gặm nhấm (Rodentia)	Họ Chuột	Muridae	3	6
		Họ Dúi	Spalacidae	1	1
		Họ Nhím	Hystricidae	1	1
Tổng: 7 bộ, 16 họ, 23 giống, 26 loài thú					

Trong các bộ thú được ghi nhận, bộ Gặm nhấm (Rodentia) có sự đa dạng nhất với 11 loài, 4 họ; tiếp đến là bộ Ăn thịt (Carnivora) có 5 loài, 4 họ. Các loài thú trong Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa hiện nay chủ yếu là các loài thú nhỏ đến trung bình.

3.1.2. Thành phần các loài chim

Kết quả điều tra từ nhiều nguồn thông tin khác nhau đã ghi nhận được 157 loài chim thuộc 115 giống, 54 họ, 15 bộ tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa (Bảng 3).

Bảng 3. Tổng hợp thành phần chim tại Khu rừng ATK Định Hóa

TT	Bộ chim	Tên họ phổ thông	Tên họ khoa học	Số giống	Số loài
1	Bộ Gà (Galliformes)	Họ Trĩ	Phasianidae	3	3
2	Bộ Cú muỗi (Caprimulgiformes)	Họ Cú muỗi	Caprimulgidae	1	2
3	Bộ Yến (Apodiformes)	Họ Yến	Apodidae	1	1
4	Bộ Cu cu (Cuculiformes)	Họ Cu cu	Cuculidae	6	9
5	Bộ Bồ câu (Columbiformes)	Họ Bồ câu	Columbidae	4	5
6	Bộ Sếu (Gruiformes)	Họ Gà nước	Rallidae	1	1
7	Bộ Rẽ (Charadriiformes)	Họ Cùn cút	Turnicidae	1	1
		Họ Chòi chòi	Charadriidae	1	2
		Họ Rẽ	Scolopacidae	3	4
		Họ Dô nách	Glareolidae	1	1
8	Bộ Bồ nông (Pelecaniformes)	Họ Diệc	Ardeidae	7	8
9	Bộ Ưng (Accipitriformes)	Họ Ưng	Accipitridae	3	3
10	Bộ Cú (Strigiformes)	Họ Cú lợn	Tytonidae	2	2
		Họ Cú mèo	Strigidae	2	2
11	Bộ Hồng hoàng (Bucerotiformes)	Họ Đầu rìu	Upupidae	1	1
12	Bộ Sả (Coraciiformes)	Họ Sả rừng	Coraciidae	1	1
		Họ Bói cá	Alcedinidae	3	3
		Họ Trầu	Meropidae	2	2
13	Bộ Gõ kiến (Piciformes)	Họ Cu rốc	Megalaimidae	2	3
		Họ Gõ kiến	Picidae	2	2
14	Bộ Cắt (Falconiformes)	Họ Cắt	Falconidae	2	2
15	Bộ Sẻ (Passeriformes)	Họ Đuôi cụt	Pittidae	1	1
		Họ Giả phượng chèo	Vangidae	2	2
		Họ Chim nghệ	Aegithinidae	1	1
		Họ Phượng chèo	Campephagidae	1	2
		Họ Bách thanh	Laniidae	1	1
		Họ Khướu mỏ quặp	Vireonidae	1	1
		Họ Vàng anh	Oriolidae	1	1
		Họ Chèo bẻo	Dicruridae	1	5
		Họ Rẻ quạt	Rhipiduridae	1	1
		Họ Thiên đường	Monarchidae	1	1
		Họ Quạ	Corvidae	3	4
		Họ Giả đớp ruồi	Stenostiridae	1	1

TT	Bộ chim	Tên họ phổ thông	Tên họ khoa học	Số giống	Số loài
		Họ Bạc má	Paridae	1	1
		Họ Sơn ca	Alaudidae	1	1
		Họ Chào mào	Pycnonotidae	5	7
		Họ Nhạn	Hirundinidae	2	2
		Họ Chích đớp ruồi	Cettiidae	1	1
		Họ Chim chích	Phylloscopidae	1	3
		Họ Chiền chiện	Cisticolidae	2	6
		Họ Khướu mỏ cong	Timaliidae	5	6
		Họ Chuối tiêu	Pellorneidae	4	5
		Họ Khướu	Leiothrichidae	3	5
		Họ Vành khuyên	Zosteropidae	2	2
		Họ Sáo	Sturnidae	3	4
		Họ Hoét	Turdidae	1	1
		Họ Đớp ruồi	Muscicapidae	10	16
		Họ Chim xanh	Chloropseidae	1	2
		Họ Chim sâu	Dicaeidae	1	2
		Họ Hút mật	Nectariniidae	3	5
		Họ Sẻ	Passeridae	1	1
		Họ Chim di	Estrildidae	1	2
		Họ Chìa vôi	Motacillidae	2	5
		Họ Sẻ thông	Fringillidae	1	1
Tổng: 157 loài, 115 giống, 54 họ, 15 bộ chim					

Trong số các loài chim có 50 loài được quan sát trực tiếp trong quá trình khảo sát tuyến, 14 loài được ghi nhận thông qua lưới mờ, 06 loài được ghi nhận thông qua tiếng kêu/tiếng hót đặc trưng, 08 loài không được ghi nhận trong quá trình khảo sát thực địa nhưng đang được nuôi làm cảnh trong nhân dân. Nhiều loài trong số đó được ghi nhận từ nhiều nguồn thông tin khác nhau như vừa được quan sát được ngoài thực địa, vừa bị mắc lưới, có tiếng kêu đặc trưng hoặc đang được nuôi trong nhân dân, điển hình như Chào mào (*Pycnonotus jocosus*), Bìm bịp (*Centropus sinensis*), Oanh đuôi trắng (*Myiomela leucura*)... Hơn một nửa số loài chim còn lại (50,32%) được kế thừa theo kết quả tổng hợp của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2004 – 2005) [1] ghi nhận tại xã Phú Đình.

Trong số 15 bộ chim được ghi nhận, bộ Sẻ (Passeriformes) có sự đông đảo nhất cả về số họ và số loài (chiếm 61,11% tổng số họ và

63,05% tổng số loài chim tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa). Mức độ đa dạng của bộ Sẻ tại khu vực điều tra phù hợp với mức độ đa dạng về thành loài chim trong bộ Sẻ ở Việt Nam (chiếm khoảng 50% tổng số họ và số loài chim). Trong các họ chim, họ Đớp ruồi (Muscicapidae) có sự đa dạng nhất.

Lớp chim là lớp động vật được phát hiện nhiều nhất trong đợt điều tra này. Tuy nhiên, phần lớn các loài chim được ghi nhận là các loài chim nhỏ. Theo kết quả phỏng vấn, người dân địa phương thường biết tới các loài chim làm cảnh, chim có kích thước lớn còn đối với các loài chim sâu, chim chích, đớp ruồi ít được quan tâm.

3.1.3. Thành phần các loài bò sát

Kết quả điều tra từ nhiều nguồn thông tin khác nhau đã ghi nhận được 29 loài bò sát thuộc 24 giống, 9 họ, 2 bộ tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa (Bảng 4).

Bảng 4. Tổng hợp thành phần bò sát tại Khu rừng ATK Định Hóa

TT	Bộ bò sát	Tên họ phổ thông	Tên họ khoa học	Số giống	Số loài
1	Bộ Có vảy (Squamata)	Họ Tắc kè	Gekkonidae	2	2
		Họ thằn lằn chính thức	Lacertidae	1	1
		Họ Thằn lằn bóng	Scincidae	2	3
		Họ Rắn mống	Xenopeltidae	1	1
		Họ Rắn nước	Colubridae	11	14
		Họ Rắn hổ	Elapidae	3	4
		Họ rắn lục	Viperidae	2	2
2	Bộ Rùa (Testudines)	Họ Rùa đầm	Geoemydidae	1	1
		Họ Ba ba	Trionychidae	1	1
Tổng: 29 loài, 24 giống, 9 họ, 2 bộ bò sát					

Trong số các loài bò sát được ghi nhận có 12 loài được quan sát trực tiếp ngoài thực địa, 01 loài đang được nuôi trong một hộ gia đình ở xã Linh Thông và 16 loài khác được kế thừa theo kết quả tổng hợp theo báo cáo của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2004 – 2005) [1] và vùng phân bố của các loài bò sát theo Nguyen và cộng sự (2009) [2].

Trong các họ bò sát được ghi nhận tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa, họ Rắn nước

(Colubridae) có sự đa dạng nhất về số loài (chiếm 48,3% tổng số các loài bò sát). Mức độ đa dạng của họ Rắn nước phù hợp với mức độ đa dạng của họ bò sát này ở Việt Nam.

3.1.4. Thành phần các loài lưỡng cư

Thành phần Lưỡng cư tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa được ghi nhận trong đợt điều tra, khảo sát gồm 15 loài thuộc 11 giống, 5 họ, 1 bộ (bảng 5).

Bảng 5. Tổng hợp thành phần lưỡng cư tại Khu rừng ATK Định Hóa

TT	Bộ bò sát	Tên họ phổ thông	Tên họ khoa học	Số giống	Số loài
1	Bộ Không đuôi (Anura)	Họ Cóc	Bufonidae	1	1
		Họ Nhái bầu	Microhylidae	2	4
		HọẾch nhái chính thức	Dicroglossidae	3	3
		HọẾch nhái	Ranidae	3	5
		HọẾch cây	Rhacophoridae	2	2
Tổng: 15 loài, 11 giống, 5 họ, 1 bộ lưỡng cư					

Trong số các loài lưỡng cư có 05 loài được quan sát trực tiếp trong đợt điều tra, là minh chứng quan trọng cho sự tồn tại của loài trong khu vực. Trên 70% số loài được kế thừa theo kết quả tổng hợp từ báo cáo của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2004 – 2005) [1] và vùng phân bố của các loài bò sát theo Nguyen và cộng sự (2009) [2].

3.2. Giá trị bảo tồn của các loài động vật nguy cấp, quý hiếm tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa

Kết quả tra cứu tình trạng bảo tồn đã xác định được 37 loài nguy cấp, quý, hiếm tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa: 08 loài thú, 19 loài chim và 10 loài bò sát (Bảng 6).

Trong số 37 loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm có 13 loài hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở cấp độ quốc gia và 13 loài ở cấp độ trên toàn cầu; 27 loài được Chính phủ Việt Nam bảo vệ được quy định trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP và 02 loài được ưu tiên bảo vệ hiện nay ở Việt Nam (được quy định tại Nghị định 64/2019/NĐ-CP).

Bảng 6. Danh sách các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm [11-14]

TT	Bộ - Họ - Loài		Tình trạng bảo tồn			
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN (2007)	IUCN (2024)	NĐ84 (2021)	NĐ64 (2019)
A	LỚP THÚ	MAMMALIA				
I	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES				
	1. Họ Cu li	Lorisidae				
1	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	VU	EN	IB	x
	2. Họ Khỉ	Cercopithecidae				
2	Khỉ sp	<i>Macaca sp</i>			IIB	
II	BỘ DƠI	CHIROPTERA				
	3. Họ Dơi lá mũi	Rhinolophidae				
3	Dơi lá tô - ma	<i>Rhinolophus thomasi</i>	VU			
III	BỘ ĂN THỊT	CARNIVORA				
	4. Họ Mèo	Felidae				
4	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>			IIB	
	5. Họ Cầy	Viverridae				
5	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>			IIB	
6	Cầy vòi đốm/Cầy vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>			IIB	
IV	BỘ GUỐC CHÂN	ARTIODACTYLA				
	6. Họ Hươu nai	Cervidae				
7	Nai đen	<i>Rusa unicolor</i>	VU	VU	IIB	
V	BỘ Gặm Nhấm	RODENTIA				
	7. Họ Sóc	Sciuridae				
8	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	VU	NT	IIB	
B	LỚP CHIM	AVES				
VI	BỘ GÀ	Galliformes				
	8. Họ Trĩ	Phasianidae				
9	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	LR		IB	
VII	BỘ RỄ	CHARADRIIFORMES				
	9. Họ Choi chơi	Charadriidae				
10	Choi chơi mỏng cổ	<i>Charadrius mongolus</i>		EN		
	10. Họ Rẽ	Scolopacidae				
11	Rẽ lưng nâu	<i>Calidris canutus</i>	LR	NT		
VIII	BỘ ƯNG	Accipitriformes				
	11. Họ Ưng	Accipitridae				
12	Diều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>			IIB	
13	Ưng sp	<i>Accipiter sp</i>			IIB	
14	Diều hâu	<i>Milvus migrans</i>			IIB	

TT	Bộ - Họ - Loài		Tình trạng bảo tồn			
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN (2007)	IUCN (2024)	NĐ84 (2021)	NĐ64 (2019)
IX	BỘ CÚ	Strigiformes				
	12. Họ Cú lợn	Tytonidae				
15	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto longimembris</i>	VU		IIB	
16	Cú lợn rừng	<i>Phodilus badius</i>			IIB	
	13. Họ Cú mèo	Strigidae				
17	Cú mèo khoang cổ	<i>Otus lettia</i>			IIB	
18	Dù dì phương đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>			IIB	
X	BỘ CẮT	Falconiformes				
	14. Họ Cắt	Falconidae				
19	Cắt nhỏ bụng trắng	<i>Microhierax melanoleucos</i>			IIB	
20	Cắt lưng hung	<i>Falco tinnunculus</i>			IIB	
XI	BỘ SẾ	Passeriformes				
	15. Họ Quạ	Corvidae				
21	Giẻ cùi vàng	<i>Urocissa whiteheadi</i>		EN		
	16. Họ Khướu	Leiothrichidae				
22	Khướu khoang cổ	<i>Garrulax monileger</i>			IIB	
23	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>			IIB	
24	Họa mi	<i>Garrulax canorus</i>			IIB	
25	Khướu bạc má	<i>Pterorhinus chinensis</i>			IIB	
26	Bò chao	<i>Pterorhinus perspicillatus</i>			IIB	
	17. Họ Sáo	Sturnidae				
27	Yểng, Nhòng	<i>Gracula religiosa</i>			IIB	
C	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA				
XII	BỘ CÓ VÁY	SQUAMATA				
	18. Họ Tắc kè	Gekkonidae				
28	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>	VU		IIB	
	19. Họ Rắn nước	Colubridae				
29	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i>	EN			
30	Rắn sọc đuôi	<i>Orthriophis taeniurus</i>		VU		
31	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	EN	NT		
	20. Họ Rắn hổ	Elapidae				
32	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	EN			
33	Rắn cạp nia bắc	<i>Bungarus multicinctus</i>		VU		
34	Rắn hổ mang	<i>Naja atra</i>	EN	VU	IIB	
35	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	CR	VU	IB	x
XIII	BỘ RÙA	TESTUDINES				
	21. Họ Rùa đầm	Geoemydidae				
36	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>		EN	IIB	
	22. Họ Ba ba	Trionychidae				
37	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i>		VU		

Về mức độ tuyệt chủng loài

Trong số 13 loài động vật rừng có nguy cơ bị tuyệt chủng ở Việt Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007) có 01 loài ở mức Rất nguy cấp (CR): Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*); 04 loài đang ở mức Nguy cấp (EN): Rắn sọc dưa (*Coelognathus radiatus*), Rắn ráo thường (*Ptyas korros*), Rắn cạp nong (*Bungarus fasciatus*) và Rắn hổ mang trung quốc (*Naja atra*); 06 loài ở mức Sắp nguy cấp (VU): Cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), Dơi lá tô – ma (*Rhinolophus thomasi*), Nai đen (*Rusa unicolor*), Sóc đen (*Ratufa bicolor*), Cú lợn lưng nâu (*Tyto longimembris*), Tắc kè (*Gekko gecko*) và 02 loài ở mức đe dọa thấp (LR).

Trong số 13 loài động vật rừng có tên trong Danh sách Đỏ thế giới (IUCN, 2024) có 04 loài ở mức EN: Cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), Choi chơi mông cổ (*Charadrius mongolus*), Giẻ cùi vàng (*Urocissa whiteheadi*) và Rùa sa nhân (*Cuora mouhotii*); 06 loài ở cấp VU: Nai đen, Rắn sọc đuôi (*Orthriophis taeniurus*), Rắn hổ mang (*Naja atra*), Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*), Rắn cạp nia bắc (*Bungarus multicinctus*) và Ba ba trơn (*Pelodiscus sinensis*) và 03 loài cấp NT.

Về quy định bảo vệ loài

Trong 27 loài động vật rừng tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa có tên trong các văn bản pháp luật của Nhà nước có 03 loài thuộc nhóm IB (Các loài động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam) trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP: Cu li lớn, Gà lôi trắng và Rắn hổ chúa; 24 loài thuộc nhóm IIB (Các loài động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam). Các loài thuộc nhóm IIB chủ yếu là các loài chim thuộc bộ Cú, Cắt, Ưng và một

số loài thuộc họ Khướu.

Hai trong số 27 loài động vật rừng có tên trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP còn là loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở Việt Nam vì có tên trong Nghị định 64/2019/NĐ-CP: Cu li lớn và Rắn hổ chúa.

Có thể thấy, Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa không chỉ có sự đa dạng về thành phần loài mà còn chứa đựng nhiều nguồn gen quý, hiếm ở cấp độ quốc gia và trên toàn cầu. Một số loài ưu tiên bảo tồn khi thực hiện các chương trình điều tra, giám sát, nghiên cứu bảo tồn: Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*), Cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), Gà lôi trắng (*Nycticebus bengalensis*).

4. KẾT LUẬN

Khu hệ động vật rừng tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa được xác định gồm: 227 loài, 173 giống, 84 họ, 25 bộ của 4 lớp động vật: Lớp thú có 26 loài, 23 giống, 16 họ, 07 bộ. Lớp chim có 157 loài, 115 giống, 54 họ, 15 bộ. Lớp bò sát có 29 loài, 24 giống, 24 giống, 9 họ, 2 bộ. Lớp lưỡng cư có 15 loài, 11 giống, 5 họ, 1 bộ. Các loài động vật rừng được ghi nhận có nguồn thông tin tin cậy, trong đó có hình ảnh của 84 loài. Lớp chim có thành phần đa dạng nhất so với lớp thú, bò sát và lưỡng cư. Một trong những kết quả nổi bật trong đợt điều tra này là đã bổ sung 73 loài động vật cho Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa so với các nghiên cứu đã thực hiện trước đây: lớp thú (9 loài), lớp chim (54 loài), lớp bò sát (08 loài) và lớp lưỡng cư (04 loài). Ngoài ra, thành phần các loài động vật được chuẩn hóa tên phổ thông, tên khoa học, sắp xếp phân loại theo các tài liệu cập nhật.

Cũng trong nghiên cứu này, 37 loài động vật được xác định là những loài nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị bảo tồn tại Khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa: 08 loài thú, 19 loài chim và 10 loài bò sát. Một số loài đề xuất ưu tiên bảo tồn và ưu tiên thực hiện các chương trình điều tra, giám sát tại khu vực: Cu li lớn (*Nycticebus*

benganlensis), Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*), Gà lôi trắng (*Nycticebus bengalensis*).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2004-2005). Tài nguyên sinh vật tỉnh Thái Nguyên và giải pháp quản lý sử dụng bền vững. Sở NN&PTNT, Thái Nguyên.
- [2]. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc & Nguyen Quang Truong (2009). Herpetofauna of Vietnam. Edition Chimaira, Frankfurt am Main.
- [3]. Francis C. M. (2001). A Photographic Guide to Mammals of South-East Asia: Including Thailand, Malaysia, Singapore, Myanmar, Laos, Vietnam, Cambodia, Java, Sumatra, Bali and Borneo. Ralph Curtis Publishing, Bangkok.
- [4]. Francis C. M. (2008). A Guide to the Mammals of Southeast Asia. Princeton University Press. USA.
- [5]. Nadler T. & Nguyễn Xuân Đăng (2008). Các loài động vật được bảo vệ ở Việt Nam. HAKI Publishing.
- [6]. Nguyễn Xuân Đăng & Lê Xuân Cảnh (2009). Phân loại học lớp thú (Mammalia) và đặc điểm khu hệ thú hoang dã Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- [7]. Groves C. P. (2001). Primate taxonomy. Washington D.C: Smithsonian Institution Press.
- [8]. Groves C. P. (2004). Taxonomy and biogeography of primates in Vietnam and neighbouring regions. In T.

Nadler, U. Streicher & H. T. Long (Eds.), Conservation of Primate in Vietnam. Hanoi: Haki Publishing.

- [9]. Nguyễn Cử, Lê Trọng Trãi & Phillips K. (2000). Chim Việt Nam. Nhà xuất bản Lao Động.
- [10]. Lê Mạnh Hùng, Bùi Đức Tiến, Tăng A Pầu, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Mạnh Hiệp & Lê Khắc Quyết (2020). Các loài chim Việt Nam. Nhà xuất bản Nhã Nam.
- [11]. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). Sách Đỏ Việt Nam (phần I: Động vật). Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- [12]. IUCN (2024). The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2. <<http://www.iucnredlist.org>>. Downloaded on 1 December 2024.
- [13]. Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam (2021). Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- [14]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2019). Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 về việc Sửa đổi điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.